

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu biệt thự Hùng Sơn tại xã Quảng Hùng và xã Quảng Đại, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH MTV đầu tư Hùng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2387/QĐ-CT ngày 24/7/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu du lịch nghỉ mát Nam Sầm Sơn, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4038/QĐ-CT ngày 15/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu biệt thự Hùng Sơn - Nam Sầm Sơn, huyện Quảng Xương; Quyết định số 4844/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh Quyết định số 4038/QĐ-CT ngày 15/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu biệt thự Hùng Sơn - Nam Sầm Sơn, huyện Quảng Xương; Quyết định số 5267/QĐ-UBND ngày 05/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu biệt thự Hùng Sơn - Nam Sầm Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu biệt thự Hùng Sơn tại xã Quảng Hùng và xã Quảng Đại, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 410/STNMT-BVMT ngày 19/01/2021; nội dung

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 69/CV-HS ngày 14/01/2021 của Công ty TNHH MTV đầu tư Hùng Sơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 77/Tr-STNMT ngày 01/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu biệt thự Hùng Sơn của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hùng Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Quảng Hùng và xã Quảng Đại, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn, Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư Hùng Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu biệt thự Hùng Sơn
tại xã Quảng Hùng và xã Quảng Đại, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
của Công ty TNHH Một thành viên đầu tư Hùng Sơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án:

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu biệt thự Hùng Sơn tại xã Quảng Hùng và xã Quảng Đại, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- *Chủ dự án:* Công ty TNHH MTV đầu tư Hùng Sơn.

+ Người đại diện: Trần Đức Nhất.

+ Chức vụ: Giám đốc.

+ Địa chỉ: Thôn 3, xã Quảng Hùng, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- *Phạm vi, quy mô, công suất dự án:*

+ Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án: 284.090 m², gồm 02 khu: Khu A và Khu B. Trong đó, diện tích đất du lịch, dịch vụ: 44.888,0m² (Khu A: 34.684 m²; Khu B: 10.204m²), đất ở: 91.990,0m²; đất cây xanh: 28.157,0 m² (Khu A: 21.269m²; Khu B: 6.888m²); đất văn hóa: 149,0m²; đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật: 118.906,0m² (Khu A: 107.960m²; Khu B: 10.946m²)

+ Các hạng mục xây dựng gồm:

San nền toàn bộ diện tích khu đất thực hiện dự án đến cao độ thiết kế; xây dựng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống đường giao thông; khuôn viên cây xanh; cấp nước và phòng cháy chữa cháy; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải và cấp điện, điện chiếu sáng) và các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: khu tập kết chất thải rắn; khu xử lý nước thải,... cho toàn bộ dự án.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân khoảng 6,3 m³/ngày (nước thải nhà vệ sinh: 3,15m³/ngày; nước thải vệ sinh tay chân: 3,15m³/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ, Coliforms,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 20,0m³/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng,... Thành phần chủ yếu: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 63,0kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa catton, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải xây dựng: Chất thải rắn từ quá trình phát quang thảm thực vật khoảng 143,0 tấn; phá dỡ công trình hiện trạng khoảng 483,5 m³; đất bóc hữu cơ khoảng 49.906,3 m³; vật liệu rời rơi vãi (cát, đất, bê tông, đá,...) khoảng 696,5 tấn; vật liệu khác (bao bì xi măng, vụn sắt thép, gỗ ván hỏng,...) khoảng 179,7 tấn. Thành phần chủ yếu: Cây cối, đất, cát, xi măng, sắt, thép, gỗ,...

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,... khối lượng khoảng 84,0 kg/quá trình.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy với lượng khoảng 687,5 lít/quá trình.

2.2. Giai đoạn vận hành

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng 1.496,0 m³/ngày.đêm (nước thải nhà vệ sinh: 487,8 m³/ngày.đêm; nước thải tắm giặt: 813,0 m³/ngày.đêm; nước thải nhà ăn: 195,2 m³/ngày.đêm). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ do phương tiện ra vào dự án; hoạt động xây dựng của các nhà đầu tư thành viên; hoạt động xây dựng nhà ở, khu du lịch, dịch vụ và sinh hoạt của các hộ dân, khách du lịch tại dự án; hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thành phần chủ yếu: bụi, SO₂, NO_x, CO, NH₃, H₂S,...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng 6.952,0 kg/ngày. Lượng rác thải này chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa catton, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

- Ngoài ra, còn có chất thải rắn xây dựng phát sinh từ quá trình xây dựng của các nhà đầu tư thành viên và chất rắn từ hoạt động vệ sinh môi trường (bùn cặn từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải, rãnh thoát nước mưa, nước thải).

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân trong khu biệt thự gồm: pin, ắc quy, sơn, bóng đèn neon,... với khối lượng khoảng 60,0 kg/ngày.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:*

- Không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng; cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...; thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân được thu gom tập trung về 03 hố lắng có thể tích $9,0\text{m}^3/\text{hố}$ (kích thước: dài x rộng x sâu: $3,0\text{m} \times 2,0\text{m} \times 1,5\text{m}$) để xử lý nước thải trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải nhà vệ sinh được thu gom, xử lý bằng 06 nhà vệ sinh di động 03 ngăn (kích thước mỗi nhà: rộng $0,1\text{m}$ x dài $1,4\text{m}$ x cao $2,4\text{m}$), định kỳ 02 ngày/lần, thuê đơn vị chức năng đến hút đưa đi xử lý theo quy định.

** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*

Nước thải xây dựng được thu gom về 03 hố lắng tạm, thể tích $9,0\text{m}^3$ (kích thước $D \times R \times H = 3,0 \times 2,0 \times 1,5\text{m}$) được lót vải địa kỹ thuật (HDPE) ở đáy và thành để chống thấm tại khu vực lán trại trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án với tần suất phun tưới nước 04 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi; bố trí công nhân quét dọn đất, cát vương vãi từ khu vực dự án ra tuyến đường vận chuyển gần dự án với phạm vi 500 m về hai phía.

- Các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt; sử dụng rào tôn xung quanh phần diện tích đất thi công xây dựng.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt*

Trang bị 06 thùng nhựa composite (dung tích 30 lít/thùng); đặt tại các khu vực lán trại công nhân để thu gom CTR phát sinh từ sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng*

- Khối lượng đất dư thừa từ quá trình bóc phong hóa nền, đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng và chất thải rắn như đất, đá thải, gạch vỡ,... được thu gom, vận chuyển, đổ thải tại khu vực Sân bóng (có khả năng tiếp nhận khoảng 50.000m^3 đất thải) cạnh tượng đài liệt sĩ xã Quảng Hùng, thành phố Sầm Sơn.

- Thảm phủ thực vật và một số chất thải rắn không tái chế được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn như bìa carton, các mẫu sắt thừa,... được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 03 thùng chứa (1 thùng dung tích 200 lít chứa chất thải rắn nguy hại và 02 thùng dung tích 500 lít/thùng chứa chất thải lỏng nguy hại) có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định; lưu trữ tạm tại góc trong khu lán trại; định kỳ 01 lần/quá trình thi công, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Trách nhiệm của các hộ dân, các nhà đầu tư thứ cấp khu vực du lịch, dịch vụ:

Xây dựng bể tự hoại, bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh, nước thải nhà ăn; lắp đặt lưới chắn rác để xử lý sơ bộ nước thải tắm giặt; xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, thoát nước và đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của dự án sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 1.650 m³/ngày đêm của dự án để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Trách nhiệm của chủ đầu tư

Xây dựng hoàn chỉnh HTXL nước thải tập trung, công suất 1.650 m³/ngày. đêm. Sơ đồ công nghệ xử lý như sau:

Nước thải sinh hoạt (nước thải vệ sinh, tắm giặt, ăn uống sau khi xử lý sơ bộ) → Bể thu gom → Bể lọc cát, tách mỡ → Bể điều hòa → Bể cân bằng pH → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước sau xử lý → Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục với các thông số: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, NH₄⁺ và vận hành thường xuyên, liên tục, đúng quy trình kỹ thuật.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

Trong thời gian trước khi bàn giao cho thành phố Sầm Sơn, chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật và hệ thống XLNT tập trung, thực hiện việc quan trắc nước thải theo định kỳ. Sau khi đầu tư xây dựng đồng bộ, bàn giao lại cho thành phố Sầm Sơn quản lý, vận hành.

- Trách nhiệm của UBND thành phố Sầm Sơn

+ Khơi thông, nạo vét hệ thống mương, hồ ga, cống tròn BTCT với tổng chiều dài 3.336m; đảm bảo tiêu thoát nước mưa phát sinh từ dự án ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Bố trí nguồn kinh phí để vận hành, duy trì hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; trạm quan trắc nước thải tự động. Thực hiện việc quan trắc nước thải định kỳ; bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

- Trách nhiệm của UBND thành phố Sầm Sơn

+ Thường xuyên nạo vét, khơi thông hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải khu vực dự án nhằm giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu vực dự án nhằm giảm thiểu bụi bay bốc theo bánh xe.

- *Trách nhiệm của các hộ dân, các nhà đầu tư thứ cấp khu vực du lịch, dịch vụ:*

+ Khuyến cáo dùng quạt hút mùi từ nhà bếp; sử dụng các nhiên liệu sạch như gas, thiết bị dùng điện,... thay thế cho nhiên liệu hóa thạch,...

+ Để rác đúng quy định về thời gian và địa điểm.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- *Trách nhiệm của Ban quản lý dự án (do UBND TP. Sầm Sơn thành lập)*

+ Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan và giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn cho các hộ gia đình, các nhà đầu tư thành viên quản lý các công trình du lịch, dịch vụ.

+ Đối với bồn cạn phát sinh từ các hồ gas, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải hợp đồng với đơn vị có chức năng để nạo hút với tần suất 01 năm/lần.

+ Phối hợp với các hộ dân và các nhà đầu tư thứ cấp bố trí 150 thùng chứa rác thải sinh hoạt công cộng loại 110 lít trong khuôn viên cây xanh, khu vực công cộng để thu gom rác thải sinh hoạt.

+ Bố trí 01 điểm tập kết CTR tạm thời tại phía Tây khu vực dự án (diện tích 30 m²); lắp đặt 04 thùng dung tích 0,5m³/thùng có nắp đậy và bánh xe đẩy để thu gom. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- *Trách nhiệm của các hộ dân, các nhà đầu tư thứ cấp khu vực du lịch, dịch vụ:*

Thu gom, phân loại và tập kết chất thải rắn đúng nơi quy định; tuyệt đối không được vứt bừa bãi ra vỉa hè, lòng đường.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:

- *Trách nhiệm của UBND thành phố Sầm Sơn*

+ Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại cho người dân và khách, thu gom CTNH chuyên vào các thùng chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng.

+ Trang bị 02 thùng chứa dung tích 500 lít để chứa CTNH chứa chất thải lỏng và rắn nguy hại riêng biệt, có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định, đặt tại khu vực tập kết chất thải rắn của dự án để người dân thu gom vào. Hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom vận chuyển đi xử lý với tần suất 03 tháng/lần.

- *Trách nhiệm của các hộ dân, các nhà đầu tư thứ cấp khu vực du lịch, dịch vụ:*

Thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại bỏ vào thùng do Ban quản lý dự án trang bị, không để lẫn với chất thải rắn sinh hoạt.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Giám sát môi trường trong quá trình xây dựng

Giám sát chất lượng khí thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- *Chỉ tiêu giám sát:* Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂.

- *Vị trí giám sát:*

+ KK1: Lấy mẫu tại khu vực lán trại.

+ KK2: Lấy mẫu tại khu vực thi công.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn: Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu: Mức tiếp xúc cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

4.2. Giám sát môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động

4.2.1. Giám sát tự động, liên tục chất lượng nước thải:

- Thông số giám sát: lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra, nhiệt độ, pH, TSS, NH₄⁺.

- Vị trí giám sát: 02 mẫu

+ NT1: Nước thải tại bể thu gom nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ NT2: Nước thải tại bể chứa sau xử lý trước khi thải ra hệ thống thoát nước thải chung của khu vực.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

4.2.2. Giám sát định kỳ chất lượng nước thải::

- Tần suất giám sát: 04 lần/năm (tháng 5, 6, 7, 8).

- *Chỉ tiêu giám sát:* Hàm lượng BOD₅; Dầu mỡ động thực vật và Coliform.

- Vị trí giám sát: 02 mẫu

+ NT1: Nước thải tại bể thu gom nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung;

+ NT2: Nước thải tại bể chứa sau xử lý trước khi thải ra hệ thống thoát nước thải chung của khu vực.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.